

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2208* /UBND-NV
V/v triển khai các quy định về mức chi
đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,
viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thành phố Lai Châu, ngày *13* tháng 11 năm 2019

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- UBND các xã, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu về bãi bỏ Nghị quyết số 120/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc bãi bỏ Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh Lai Châu quy định về quản lý, sử dụng kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu,

Để kịp thời triển khai thực hiện các quy định về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu, UBND thành phố yêu cầu và đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện các văn bản sau:

1. Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh;

2. Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

3. Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh Lai Châu quy định về quản lý, sử dụng kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Nội dung các văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị tra cứu trực tiếp trên trang thông tin điện tử thành phố Lai Châu theo địa chỉ: thanhpho.laichau.gov.vn (chuyên mục văn bản chỉ đạo điều hành).

Căn cứ nội dung công văn, yêu cầu và đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được biết, đồng thời tổ chức thực hiện mức chi theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc liên hệ về UBND thành phố (qua phòng Nội vụ, số điện thoại: 02313.790.233) để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Thành ủy, HĐND-UBND thành phố;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Lưu: VP, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lương Chiến Công

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG NỘI VỤ THÀNH PHỐ LAI CHÂU
Số: 11 /2019/NQ-HĐND
Số: 1515
Ngày: 07.8.2019
Chuyên: LA, CC, K. T. A.
Lưu hồ sơ số: Ban hành

Lai Châu, ngày 23 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh

UBND THÀNH PHỐ LAI CHÂU
Số: 891
Ngày: 06.8.2019
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn nhà ở công vụ;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 1089/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng và chi hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 271/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khoá XIV, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn

QUY ĐỊNH

Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: *M* /2019/NQ-HĐND ngày *23* tháng *7* năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ cho luân chuyển cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định luân chuyển giữa các cơ quan, đơn vị khối đảng, nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; luân chuyển từ tỉnh về huyện, thành phố và ngược lại, luân chuyển từ huyện, thành phố về xã, phường, thị trấn và ngược lại; giữa các huyện, thành phố; giữa các xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng

- a) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;
- b) Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện; công chức xã, phường, thị trấn; công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập;
- c) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố;
- d) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;

2. Đối tượng luân chuyển

Cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **MỨC CHI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

Điều 3. Mức chi đào tạo cán bộ, công chức trong nước

1. Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo (Đối tượng là cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo): Theo hoá đơn của cơ sở đào tạo nơi cán bộ, công chức được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng do cấp có thẩm quyền ký kết

2. Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung (đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố)

a) Trong tỉnh: 50.000 đồng/ngày/người.

b) Ngoài tỉnh: 60.000 đồng/ngày/người.

3. Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ, nghỉ tết) nếu tự túc bằng phương tiện cá nhân: Mức chi theo điểm a khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND) hoặc theo giá vé phương tiện vận chuyển công cộng

4. Chi hỗ trợ thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ hoặc bố trí chỗ nghỉ nhưng thu tiền) đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố

a) Trong tỉnh: 50.000 đồng/ngày/người.

b) Ngoài tỉnh: 80.000 đồng/ngày/người.

Các mức chi còn lại thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Thông tư số 36/2018/TT-BTC).

Điều 4. Mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức trong nước

1. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên

Mức chi thù lao đối với giảng viên, báo cáo viên tính theo một buổi giảng bằng 4 tiết học (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng), cụ thể:

a) Giảng viên, Báo cáo viên là: Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh uỷ và các chức danh tương đương: 2.000.000 đồng/người/buổi.

b) Giảng viên, Báo cáo viên là: Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các chức danh tương đương, Giáo sư, Chuyên gia cao cấp, Tiến sỹ khoa học: 1.600.000 đồng/người/buổi.

c) Giảng viên, Báo cáo viên là: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Vụ trưởng và tương đương, Phó Vụ trưởng thuộc Bộ và tương đương, Phó Giáo sư, Tiến sỹ: 1.300.000 đồng/người/buổi.

d) Giảng viên các trường đại học; báo cáo viên cấp tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: 1.000.000 đồng/người/buổi.

e) Giảng viên các trường cao đẳng, báo cáo viên cấp huyện và các đối tượng khác được mời tham gia giảng dạy các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 800.000 đồng/người/buổi.

2. Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên: Mức chi theo điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017.

3. Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên (Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê): Mức chi theo điểm a và điểm c khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017.

4. Chi nước uống phục vụ lớp học: 10.000 đồng/người/ngày.

5. Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi: Áp dụng mức chi theo Nghị quyết số 72/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XIII, kỳ họp thứ 6 ban hành quy định mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, thi học sinh giỏi tại tỉnh Lai Châu.

6. Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ, nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập

trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ): Mức chi theo khoản 3, 4 và 5 Điều 3 của Quy định này.

7. Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế

a) Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.

b) Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế bằng 50% mức chi quy định điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017.

Các mức chi còn lại thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

Điều 5. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài

Căn cứ yêu cầu công tác cán bộ trong từng thời kỳ và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể đối tượng, thời gian và các nội dung chi hỗ trợ từ ngân sách khi cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật

Điều 6. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền giao cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan, đơn vị; căn cứ nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức quy định tại Điều 3, 4 và 5 của Quy định này; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.

Điều 7. Hỗ trợ bác sỹ chuyên khoa II, bác sỹ chuyên khoa I sau tốt nghiệp

Bác sỹ được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo bác sỹ chuyên khoa II, bác sỹ chuyên khoa I được hỗ trợ sau khi được cấp bằng tốt nghiệp, cụ thể:

a) Bác sỹ chuyên khoa II: 100.000.000 đồng.

b) Bác sỹ chuyên khoa I: 80.000.000 đồng.

Điều 8. Quy định khác

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được sử dụng để chi các hoạt động trực tiếp phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBCC tại các cơ quan, đơn vị.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu áp dụng tại Mục I, Chương II Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Mục 2 **CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ LUÂN CHUYỂN**

Điều 9. Mức hỗ trợ

1. Cán bộ khi luân chuyển nếu không có nhà riêng tại nơi được luân chuyển đến hoặc chưa có nhà công vụ thì được hỗ trợ tiền thuê nhà:

- a) Mức thuê nhà tại tỉnh: 1.000.000 đồng/người/tháng.
- b) Mức thuê nhà tại huyện: 800.000 đồng/người/tháng.
- c) Mức thuê nhà tại xã: 300.000 đồng/người/tháng.

2. Hỗ trợ đi lại: Được tính theo khoảng cách từ cơ quan nơi đi đến cơ quan nơi đến, cụ thể:

- a) Dưới 15 km: 200.000 đồng/người/tháng.
- b) Từ 15 km đến dưới 50 km: 400.000 đồng/người/tháng.
- c) Từ 50 km đến dưới 80 km: 500.000 đồng/người/tháng.
- d) Từ 80 km đến dưới 110 km: 600.000 đồng/người/tháng.
- e) Từ 110 km đến dưới 140 km: 700.000 đồng/người/tháng.
- f) Từ 140 km trở lên: 900.000 đồng/người/tháng.

3. Hỗ trợ sinh hoạt phí

- a) Luân chuyển đến tỉnh và đến huyện: 1.200.000 đồng/người/tháng.
- b) Luân chuyển đến xã: 1.000.000 đồng/người/tháng.

Điều 10. Thời gian hỗ trợ

Chế độ quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 9 của Quy định này được hưởng trong suốt thời gian luân chuyển. Đối với những cán bộ có quyết định luân chuyển trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, mà vẫn trong thời gian luân chuyển theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng chế độ hỗ trợ luân chuyển theo Nghị quyết này và tính từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Chương III KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 11. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng và chi hỗ trợ luân chuyển cán bộ công chức, viên chức

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí chi hỗ trợ luân chuyển: Chi từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc cấp nào thì ngân sách cấp đó đảm bảo và do cơ quan có cán bộ được luân chuyển đến trực tiếp chi trả./.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **37** /2019/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **18** tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh

UBND THÀNH PHỐ LAI CHÂU	
DẾN	Số: <i>1262</i>
	Ngày: <i>21.10.2019</i>
Chuyên: <i>N.Y.</i>	
Lưu hồ sơ số:	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn nhà ở công vụ;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1668/TTr-STC ngày 03 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các cơ quan nhà nước, đơn vị khối đảng nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền luân chuyển đến.

Điều 2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

1. Bảo đảm theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh; phù hợp với đặc điểm tổ chức bộ máy, cơ chế tài chính và nguồn kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị.

2. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền có quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhưng không hoàn thành khoá đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian quy định và phải gia hạn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, bồi dưỡng thì không hỗ trợ kinh phí đối với thời gian gia hạn hoặc kéo dài.

3. Việc sử dụng kinh phí phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả đúng quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật, các văn bản quy phạm pháp luật về chế độ kế toán ngân sách nhà nước.

Điều 3. Lập, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; kinh phí luân chuyển cán bộ, công chức

1. Lập, phân bổ, quản lý, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bố trí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và luân chuyển cán bộ, công chức

a) Công tác lập dự toán

- Đối với kinh phí đào tạo, bồi dưỡng: Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hướng dẫn xây dựng lập dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính và các văn bản quy định hiện hành; Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và dự toán gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Đối với kinh phí luân chuyển: Các cơ quan đơn vị có cán bộ, công chức được luân chuyển đến lập dự toán kinh phí cùng với thời điểm lập dự toán thu,

chi ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Phân bổ và giao dự toán

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Giao cho các cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức được cử đi đào tạo và được giao nhiệm vụ thực hiện bồi dưỡng cán bộ, công chức.

- Kinh phí luân chuyển: Giao cho các cơ quan đơn vị có cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền luân chuyển đến.

c) Việc quản lý và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng và kinh phí luân chuyển

Việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi cho nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và kinh phí luân chuyển cán bộ, công chức được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật, các văn bản quy phạm pháp luật về chế độ kế toán ngân sách nhà nước.

2. Lập, phân bổ, quản lý, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Hàng năm căn cứ vào kế hoạch chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng viên chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại các đơn vị; căn cứ nội dung và mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp xây dựng dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức tổng hợp trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực hoạt động.

Việc phân bổ, quản lý và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật quy định về cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo từng lĩnh vực hoạt động.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì tổng hợp xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền; phối hợp lấy ý kiến Sở Ngoại vụ đối với trường hợp cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn quy trình tổ chức lớp học và báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng hàng năm đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng do các cơ quan, đơn vị tổ chức từ kinh phí của ngân sách, kinh phí của cơ quan, đơn vị hoặc nguồn kinh phí khác.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện việc thẩm định chương trình, tài liệu bồi dưỡng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Theo dõi, kiểm tra, quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng thuộc thẩm quyền theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Tài chính

a) Tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí, phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng và kinh phí luân chuyển cho các cơ quan, đơn vị hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện thẩm định và phân bổ kinh phí trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị để đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch; đồng thời theo dõi, kiểm tra và quyết toán kinh phí kịp thời, đúng quy định.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

b) Tổ chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

c) Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền. Tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức có quyết định cử đi học hoàn thành chương trình học.

d) Theo dõi, đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng kiến thức kỹ năng chuyên ngành bắt buộc hàng năm; bồi dưỡng đáp ứng các tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý;

e) Trực tiếp quản lý, tổ chức mở lớp và lập thủ tục thanh quyết toán kinh phí cho cán bộ, công chức được cử đi đào tạo; các lớp bồi dưỡng được cơ quan có thẩm quyền giao, kinh phí luân chuyển theo quy định tài chính hiện hành.

f) Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (định kỳ hàng năm hoặc đột xuất) gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

g) Kịp thời chi trả chế độ luân chuyển cho cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển.

h) Thủ trưởng các đơn vị quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ về nội dung, mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện tại đơn vị.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 10 năm 2019.

Những nội dung khác có liên quan không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh; (để đăng tải)
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tông Thanh Hải

ĐTÚ số 1585



đan tỉnh Lai Châu
Email:
laichau@chinhphu.vn
Cơ quan: tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25 /2019/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 16 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,
viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

UBND THÀNH PHỐ LAI CHÂU	
ĐẾN	Số: 106
	Ngày: 17.9.2019
Chuyên:	Nhân sự / Đào tạo / Học hành
Lưu hồ sơ số:	

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /v

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tổng Thanh Hải

QUY CHẾ

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số **25** /2019/QĐ-UBND ngày **16** tháng **9** năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền tổ chức quản lý, trách nhiệm, quyền lợi của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố.

Dưới đây các đối tượng thuộc khoản 1, khoản 2 Điều này được gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 3. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng

Trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và hoạt động nghề nghiệp của viên chức, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước.

Điều 4. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm; gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế

QUY CHẾ

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền tổ chức quản lý, trách nhiệm, quyền lợi của các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố.

Dưới đây các đối tượng thuộc khoản 1, khoản 2 Điều này được gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 3. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng

Trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và hoạt động nghề nghiệp của viên chức, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước.

Điều 4. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm; gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế

hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Thực hiện phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; kết hợp phân công và cạnh tranh trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 36/2018/TT-BTC) và Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

4. Đề cao ý thức tự học và việc lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Không cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng từ hai khóa trở lên trong cùng một thời gian (kể cả khóa đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức vừa làm, vừa học).

Điều 5. Điều kiện cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo

1. Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 101/2017/NĐ-CP).

2. Đào tạo sau đại học

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, đồng thời phải căn cứ vào vị trí việc làm đang đảm nhiệm; phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 6. Bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện theo quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18, 31 và 32 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP; Điều 3 Thông tư số 01/2018/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025.

Điều 7. Thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức khỏi nhà nước đi đào tạo, bồi dưỡng trong các trường hợp sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quản lý (sau khi có ý kiến đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy) đi đào tạo, bồi dưỡng.

b) Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học.

c) Cán bộ, công chức, viên chức đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài (ngắn hạn và dài hạn).

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đào tạo, bồi dưỡng trong các trường hợp sau:

a) Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học.

b) Cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính và tương đương trừ đối tượng thuộc điểm a khoản 1 Điều này.

c) Cử cán bộ, công chức, viên chức đi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, tin học, ngoại ngữ, kỹ năng khác... thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 8. Quyền lợi, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Quyền lợi

Được hưởng các quyền lợi theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và các quy định của tỉnh.

2. Trách nhiệm

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Nghị định 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng báo cáo kết quả học tập về cơ quan, đơn vị để làm căn cứ đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

c) Sau khi kết thúc khóa đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức phải gửi bản sao văn bằng, chứng chỉ của khóa học đã tham gia cho đơn vị quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức lưu giữ.

Điều 9. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC và các văn bản quy định hiện hành.

Điều 10. Đền bù chi phí đào tạo

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo (từ trình độ chuyên môn trung cấp trở lên bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức) phải đền bù chi phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp được quy định tại Điều 7 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

b) Chuyên công tác ra ngoài tỉnh trong thời gian được cử tham gia khóa đào tạo hoặc sau khi hoàn thành khóa học chưa phục vụ đủ thời gian cam kết theo quy định.

2. Việc đền bù chi phí đào tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 11. Trách nhiệm quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

1. Sở Nội vụ là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan thuộc khối nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Việc quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, lực lượng vũ trang thuộc tỉnh thực hiện theo phân cấp quản lý và theo quy định của ngành.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức hướng dẫn thực hiện và tổng hợp, báo cáo sơ kết, tổng kết theo quy định.

2. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, tổng hợp, thẩm định nội dung chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ

năng chuyên ngành (trừ các nội dung đã được phê duyệt) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng.

3. Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài đảm bảo theo đúng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đã được phê duyệt.

4. Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh, các cơ quan, đơn vị, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức các khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh, vị trí việc làm và kỹ năng chuyên ngành cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; chiêu sinh các lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước, bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương...

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, trong đó chi tiết theo từng nhiệm vụ, Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (bao gồm cả nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở nước ngoài), theo đơn vị thực hiện, theo nguồn ngân sách (ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương hỗ trợ, các nguồn kinh phí khác), gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

6. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tổng hợp, thẩm định dự toán chi ngân sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho các cơ quan, đơn vị theo phân cấp.

2. Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tỉnh

1. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt đúng tiến độ;

2. Đảm bảo nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo quy định;

3. Liên kết với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác để mở các lớp do trường hoặc trung tâm không thể đảm nhận được;

4. Chấp hành việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đúng quy định;

5. Nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao chất lượng giảng dạy; đổi mới phương thức đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa;

6. Tổ chức xây dựng chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

7. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo định kỳ hàng quý, năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan Đảng, đoàn thể; đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng đề án, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý, gửi về Sở Nội vụ tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Tổ chức xây dựng và ban hành tài liệu bồi dưỡng về vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành theo chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức triển khai, hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về chỉ tiêu đào tạo hàng năm đã được phê duyệt.

4. Chịu trách nhiệm quản lý và lập thủ tục thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được hỗ trợ hàng năm theo quy định.

5. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo khoản 2 Điều 7 quy chế này, đúng ngành, đúng lĩnh vực và sắp xếp, bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng; đảm bảo thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định, để thực hiện việc hoàn thiện tiêu chuẩn ngạch và cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn; theo dõi, đánh giá kết quả học tập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

6. Theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền theo định kỳ quý, năm hoặc đột xuất về Sở Nội vụ và các cơ quan quản lý cấp trên.

7. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này còn thực hiện:

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý; tổ chức triển khai, theo dõi, thanh tra, kiểm tra

việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sau khi được phê duyệt và báo cáo Sở Nội vụ theo quy định;

b) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách, nguồn kinh phí được phân bổ hàng năm đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; bố trí khoản ngân sách hợp lý đầu tư trang thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo thuộc địa phương, đảm bảo thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng;

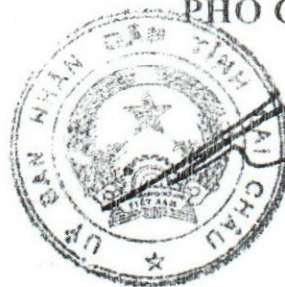
c) Phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thuộc huyện tổ chức bồi dưỡng nâng cao, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý chuyên ngành, các chức danh chuyên môn cấp xã theo chuyên môn ngành dọc và một số đối tượng khác theo nhu cầu.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Giám đốc Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Quy chế này.
3. Khi các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Hải